

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH ĐẮK NÔNG

Trường THPT Lê Quý Đôn
Số: 16 /QĐ-THPT.LQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 2 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của Trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-SGDĐT ngày 24/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2024 của Trường THPT Lê Quý Đôn (theo biểu số 03 đính kèm).

Điều 2. Các phòng ban, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để b/cáo);
- Các đoàn thể nhà Trường
- Website Trường
- Lưu: VT, KT

Hiệu Trưởng

Trần Văn

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Đôn
Chương: 422



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-THPT.LQĐ ngày 2 tháng 4 năm 2025)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán (bao gồm năm trước mang sang)	Thực hiện 3 tháng	Thực hiện 3 tháng/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí	0	-	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.737.274.330	3.385.770.681		
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.231.474.330	2.781.338.019		0
1	Lương và chi thường xuyên	12.231.474.330	2.781.338.019	22,74	
2					
3					
II	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.469.000.000	604.432.662	13,53	
1	Quà tết nguyên đán	24.500.000	24.500.000	100,00	
1	Chính sách 116/2016	1.684.000.000	-	-	
2	Chính sách 42/2013	147.000.000	29.577.150	20,12	
3	Chính sách theo nghị định 81/2021	1.634.000.000	416.700.000	25,50	
4	nghị quyết số 11/2022 học sinh là người DTTS thuộc cận nghèo	137.000.000	1.500.000	1,09	
5	nghị quyết số 11/2022 học sinh là người DTTS thuộc thoát nghèo	45.000.000			
6	chế độ chính sách gv hợp đồng 111	822.000.000	156.655.512	19,06	
7	chế độ chính sách gv hợp đồng 111	217.375.384		-	
8	kinh phí thừa giờ	805.872.003		-	
9	khen thưởng theo nghị định 73	462.000.000		-	
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-Khoản 085)	36.800.000	-	-	
1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	36.800.000		-	